**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN C**
**TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19/5/2023
*"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Khuyên**
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông **Trần Minh Tiến**
2. Bà **Vũ Thị Thùy Dương**

**-** *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số:141/2023/TLST- HNGĐ ngày 31/3/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/4/2023 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1991
Địa chỉ: 36 khu Chợ Mới, tổ 5, khối 3, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.
- *Bị đơn*: Chị Đỗ Thị Ngọc L, sinh năm 1990
Địa chỉ: ấp Suối Sóc, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

*(các đương sự vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:*

Anh và chị Đỗ Thị Ngọc L trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau trong thời gian hơn 01 năm, đến năm 2017 thì tiến tới hôn nhân với nhau, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống, đến ngày 14/9/2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Đây đều là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2020 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, tình tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc Gia H,

sinh ngày 23/7/2018. Khi ly hôn anh yêu cầu được giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo lời khai trong hồ sơ thể hiện bị đơn chị Đỗ Thị Ngọc L trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Hvề quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và một phần nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh Htrình bày. Theo chị mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H ham chơi, nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, những lần nhậu say anh Hcòn đánh chị. Từ đó dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện tại tình cảm vợ chồng chị dành cho anh H không còn. Nay anh H xin ly hôn với chị thì chị đồng ý ly hôn và đồng ý nuôi dưỡng cháu Gia H, không yêu cầu anh Hcấp dưỡng nuôi con.

** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C:*

+ Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

+ Về nội dung: áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Hvà chị L ly hôn; về con chung: giao cháu Gia Hân cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Hiệp; về tài sản chung và nợ chung: đương sự không ai yêu cầu nên không xem xét.

Kiến nghị khắc phục: không

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: anh Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Đỗ Thị Ngọc Lvà yêu cầu giải quyết về con chung nên đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Đỗ Thị Ngọc L có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: ấp Suối Sóc, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Thanh H và chị Đỗ Thị Ngọc Lcó đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật TTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Thanh H và chị Đỗ Thị Ngọc L đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 14/9/2017 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2017, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H nhận thấy:

Theo trình bày của anh H thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Chị L thừa nhận vợ chồng có xáy ra mâu thuẫn một phần như anh Htrình bày và đồng ý ly hôn với anh Hiệp. Xét thấy giữa anh chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, hai bên đã hòa giải để hàn gắn với nhau nhưng không được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, anh H và chị L vẫn kiên quyết ly hôn vì không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HN&GĐ năm 2014 chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị L.

[6] Về con chung: Khi ly hôn anh H và chị L thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 23/7/2018 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh Hcấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cho cháu Hân. Vì vậy, ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hiệp.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì anh Hphải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Đỗ Thị Ngọc L.

- Về con chung: giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 23/7/2018 cho chị Đỗ Thị Ngọc L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Thanh H.

Chị L và anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: anh Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0001923 ngày 27/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- *TAND. tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H. C;*
- *Thi hành án dân sự H. C;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã X;*
- *Lưu án văn;*
- *Hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
*(đã ký và đóng dấu)*

**Lê Thị Khuyên**